

BÁO CÁO
QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Năm 2021 là năm thực hiện các nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng của địa phương như Bầu cử HĐND các cấp; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM,... Việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2021 cơ bản đáp ứng được các nhiệm vụ của địa phương. Trong quá trình điều hành thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2021 có những thuận lợi và khó khăn như sau:

1. Thuận lợi

Năm 2021 nhờ có sự chỉ đạo thường xuyên và sát sao của cấp ủy đảng, chính quyền, của các cấp các ngành từ cấp huyện đến cấp xã và sự đồng thuận của nhân dân. Nhìn chung tình hình chính trị xã hội ổn định, kinh tế phát triển, Quốc phòng - An ninh được giữ vững. Công tác điều hành ngân sách ngày càng được quan tâm. Từ đó thực hiện công tác thu ngân sách và thực hiện các nhiệm vụ chi có nhiều bước thuận lợi. Đảm bảo công tác an sinh xã hội, các chế độ được giải quyết kịp thời, cơ bản đảm bảo đủ cho bộ máy hoạt động.

2. Khó khăn

Trên địa bàn doanh nghiệp rất ít nên việc huy động hỗ trợ đóng góp rất hạn chế bên cạnh đó tình hình thời tiết trong năm hết sức khắc nghiệt ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế của địa phương, đặc biệt là sản xuất kinh doanh. Ngoài ra trong năm 2021 xảy ra đại dịch Covid-19 ảnh hưởng không nhỏ đến các nguồn thu, nhiệm vụ chi phát sinh tăng cho các khoản phòng chống dịch, phòng chống thiên tai.

Trong năm 2021 nguồn phát triển kinh tế xã hội như nguồn nông thôn mới, nguồn đầu tư xây dựng chương trình 135 chưa được phê duyệt và không có kinh phí đã ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế và nâng cấp cơ sở hạ tầng tại địa phương

I. Tổng Thu ngân sách năm 2021: 10.976.323.973 đồng

Trong đó:

| | |
|--|--------------------|
| + Thu ngân sách trên địa bàn: | 137.368.512 đồng |
| + Thu cân đối từ ngân sách cấp trên: | 5.659.377.400 đồng |
| + Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: | 3.776.990.000 đồng |
| + Thu chuyển nguồn từ năm trước: | 1.402.588.061 đồng |

II. Tổng chi ngân sách năm 2021: 10.976.323.973 đồng

1. Chi công tác đầu tư xây dựng cơ bản Nguồn ngân sách huyện, tiền thường, ngân sách xã: 2.390.338.000 đồng

Trong đó:

- + Thanh toán kinh phí trích đo bản đồ địa chính quy hoạch NTM: 64.000.000 đồng
- + Thanh toán kinh phí đo đạc quy hoạch nghĩa trang tại thôn 2, Thôn 4: 120.000.000 đồng
- + Trả nợ Đường trục chính thôn 8 xã Sơn Hồng: 138.871.000 đồng
- + Trả nợ Đường GT thôn 5 xã Sơn Hồng: 283.000.000 đồng
- + Sửa Chữa, nâng cấp mương thoát nước và khuôn viên UB xã: 244.000.000 đồng
- + Trả nợ Cải tạo mở rộng nhà văn hóa thôn 8: 67.000.000 đồng
- + Sửa Chữa, nâng cấp kênh mương nội đồng thôn 4: 100.000.000 đồng
- + Trả nợ đường GTNT xã Sơn Hồng: 100.000.000 đồng
- + Cải tạo nâng cấp trường TH và THCS Sơn Hồng: 947.591.000 đồng
- + Cải tạo nâng cấp trường mầm non Sơn Hồng: 44.921.000 đồng
- + Kinh phí hỗ trợ xi măng làm đường GT, rãnh thoát nước: 280.955.000 đồng

2. Công tác thực hiện chi thường xuyên: 7.503.291.000 đồng

a. Chi công tác xây dựng nông thôn mới: 552.000.000 đồng

- + Hỗ trợ khu dân cư kiểu mẫu thôn 8: 61.500.000 đồng
- + Hỗ trợ khu dân cư kiểu mẫu thôn 3, thôn 9: 438.500.000 đồng
- + Hỗ trợ 12 vườn mẫu: 24.000.000 đồng
- + Hỗ trợ ban phát triển thôn : 28.000.000 đồng (thôn 3, 9 mỗi thôn 5 triệu, 9 thôn còn lại mỗi thôn 2 triệu)

b. Chi hỗ trợ công tác bảo vệ rừng cho các hộ gia đình : 397.902.000 đồng

c. Hỗ trợ chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn theo NQ 123/2018 ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh: 156.000.000 đồng

d. Chi ngân sách thường xuyên năm 2021: 6.397.389.000 đồng

Trong đó: chi hoạt động kinh tế, Quốc phòng – An Ninh, Nông lâm ngư nghiệp, bảo trợ xã hội, chính sách lương, phụ cấp, hoạt động chi thường xuyên, chi bầu cử HĐND các cấp

(Bằng chữ: Sáu tỷ ba trăm chín bảy triệu ba trăm tám chín ngàn đồng)

(Có bảng kê chi tiết kèm theo)

Trong năm một số nhiệm vụ chi thường xuyên được đáp ứng đúng, đủ và kịp thời như lương, phụ cấp, chế độ chính sách, hỗ trợ các chính sách nông nghiệp, chính sách phát triển kinh tế, công tác Quốc phòng – an ninh.....

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau: 1.082.694.973 đồng

III. Thu, chi hộ ngân sách năm 2021

1. Thuế quỹ:

+ Thu quỹ năm 2021 trên địa bàn xã Sơn Hồng với tổng số tiền: 31.680.000 đồng

2. Công tác chi hộ chính sách xã hội:

Trả tiền điện thấp sáng hỗ trợ hộ nghèo, hộ không nghèo dùng dưới 50KW, Hỗ trợ làm nhà ở cho hộ khó khăn năm 2021: 32.890.000 đồng

IV. Kết luận:

Trong năm phân chi vượt so với dự toán giao đầu năm; Nguyên nhân là phát sinh nhiều khoản chi đầu tư trong công tác xây dựng nông thôn mới, chi các chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn, và một số nhiệm vụ chi thường xuyên khác như: Chi bầu cử HĐND, chi phòng chống dịch bệnh, chi phòng chống thiên tai/.

Nơi nhận:

- TTHĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu VP UB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Khánh Hòa

Tỉnh: Hà Tĩnh

Huyện: Hương Sơn

Xã: Sơn Hồng

Mẫu biểu số 08

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Dự toán | | Quyết toán | | So sánh (%) | |
|--|----------|----------------------|------------|-----------------------|-------------|---------------|
| | Thu NSNN | Thu NSX | Thu NSNN | Thu NSX | Thu NSNN | Thu NSX |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 3/1 | 6 = 4/2 |
| Tổng số thu | | 5,865,775,400 | | 10,976,323,973 | | 187.12 |
| I. Các khoản thu 100% | | 78,300,000 | | 33,230,000 | | 42.44 |
| 1. Phí, lệ phí | | 34,000,000 | | 9,600,000 | | 28.24 |
| 2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | | | | | | |
| Thu từ quỹ đất công ích | | | | | | |
| Thu từ hoa lợi công sản trên đất công | | | | | | |
| Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất | | | | | | |
| 3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | | | | | |
| 4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định | | 20,000,000 | | 17,730,000 | | 88.65 |
| 5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định | | | | | | |
| 6. Đóng góp của nhân dân theo quy định | | | | | | |
| 7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân | | | | | | |
| 8. Thu khác | | 24,300,000 | | 5,900,000 | | 24.28 |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) | | 35,000,000 | | 104,138,512 | | 297.54 |
| 1. Các khoản thu phân chia | | 23,000,000 | | 13,243,312 | | 57.58 |
| 1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | | | | | | |
| 1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình | | | | | | |
| 1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | | | | 1,800,000 | | |
| 1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất | | 23,000,000 | | 11,443,312 | | 49.75 |
| 2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định | | 12,000,000 | | 90,895,200 | | 757.46 |
| 2.1. Thu tiền sử dụng đất | | | | 82,395,000 | | |
| 2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước | | | | | | |

| | | | | | |
|---|--|----------------------|--|----------------------|---------------|
| 2.3. Thuế tài nguyên | | | | | |
| 2.4. Thuế giá trị gia tăng | | 12,000,000 | | 8,500,200 | 70.84 |
| 2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | |
| 2.6. Thuế thu nhập cá nhân | | | | | |
| 2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt | | | | | |
| III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) | | | | | |
| IV. Thu chuyển nguồn | | | | 1,402,588,061 | |
| V. Thu kết dư ngân sách năm trước | | | | | |
| VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | | 5,752,475,400 | | 9,436,367,400 | 164.04 |
| 1. Bổ sung cân đối ngân sách | | 5,752,475,400 | | 5,659,377,400 | 98.38 |
| 2. Bổ sung có mục tiêu | | | | 3,776,990,000 | |

Ngày 24 tháng 6 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán

TM. UBND XÃ SƠN HỒNG

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thái Huy

Nguyễn Thái
Huy

Nguyễn Khánh Hòa

Tỉnh: Hà Tĩnh

Huyện: Hương Sơn

Xã: Sơn Hồng

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Dự toán đầu năm và bổ sung | | | Quyết toán | | | So sánh (%) | | |
|--|----------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-------------|------------|------------|
| | Tổng số | ĐTPT | TX | Tổng số | ĐTPT | TX | Tổng số | ĐTPT | TX |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 = 5/2 | 9 = 6/3 | 10 = 7/4 |
| Tổng số chi | 10,976,323,973 | 2,390,338,000 | 8,585,985,973 | 10,976,323,973 | 2,390,338,000 | 8,585,985,973 | 100 | 100 | 100 |
| 1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội | 498,511,000 | | 498,511,000 | 494,279,000 | | 494,279,000 | 100 | | 100 |
| 1.1. Chi dân quân tự vệ | 356,415,000 | | 356,415,000 | 356,415,000 | | 356,415,000 | 100 | | 100 |
| 1.2. Chi trật tự an toàn xã hội | 142,096,000 | | 142,096,000 | 142,096,000 | | 142,096,000 | 100 | | 100 |
| 2. Chi giáo dục | 992,512,000 | 992,512,000 | | 992,512,000 | 992,512,000 | | 100 | 100 | |
| 3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ | | | | | | | | | |
| 4. Chi y tế | 7,150,000 | | 7,150,000 | 7,150,000 | | 7,150,000 | 100 | | 100 |
| 5. Chi văn hóa, thông tin | | | | | | | | | |
| 6. Chi phát thanh, truyền thanh | | | | | | | | | |
| 7. Chi thể dục, thể thao | | | | | | | | | |
| 8. Chi bảo vệ môi trường | | | | | | | | | |
| 9. Chi các hoạt động kinh tế | 2,011,949,000 | 1,330,826,000 | 681,123,000 | 2,011,949,000 | 1,330,826,000 | 681,123,000 | 100 | 100 | 100 |
| 9.1. Giao thông | 802,826,000 | 802,826,000 | | 802,826,000 | 802,826,000 | | 100 | 100 | |
| 9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản | 1,209,123,000 | 528,000,000 | 681,123,000 | 1,209,123,000 | 528,000,000 | 681,123,000 | 100 | 100 | 100 |
| 9.3. Thị chính | | | | | | | | | |
| 9.4. Thương mại, du lịch | | | | | | | | | |
| 9.5. Các hoạt động kinh tế khác | | | | | | | | | |
| 10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 6,201,853,000 | 67,000,000 | 6,134,853,000 | 6,201,853,000 | 67,000,000 | 6,134,853,000 | 100 | 100 | 100 |
| Trong đó: Quỹ lương | | | | 3,105,208,000 | | 3,105,208,000 | | | |
| 10.1. Quản lý Nhà nước | 4,906,801,000 | 67,000,000 | 4,839,801,000 | 4,906,801,000 | 67,000,000 | 4,839,801,000 | 100 | 100 | 100 |

| | | | | | | | | | |
|---|---------------|--|---------------|---------------|--|---------------|-----|--|-----|
| 10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam | 579,543,000 | | 579,543,000 | 579,543,000 | | 579,543,000 | 100 | | 100 |
| 10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | 294,324,000 | | 294,324,000 | 294,324,000 | | 294,324,000 | 100 | | 100 |
| 10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM | 71,320,000 | | 71,320,000 | 71,320,000 | | 71,320,000 | 100 | | 100 |
| 10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ | 134,599,000 | | 134,599,000 | 134,599,000 | | 134,599,000 | 100 | | 100 |
| 10.6. Hội Cựu chiến binh | 86,101,000 | | 86,101,000 | 86,101,000 | | 86,101,000 | 100 | | 100 |
| 10.7. Hội Nông dân | 115,415,000 | | 115,415,000 | 115,415,000 | | 115,415,000 | 100 | | 100 |
| 10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có) | 13,750,000 | | 13,750,000 | 13,750,000 | | 13,750,000 | 100 | | 100 |
| Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | | | | | | | | | |
| 11. Chi cho công tác xã hội | 181,654,000 | | 181,654,000 | 181,654,000 | | 181,654,000 | 100 | | 100 |
| 11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác | 110,104,000 | | 110,104,000 | 110,104,000 | | 110,104,000 | 100 | | 100 |
| 11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa | | | | | | | | | |
| 11.3. Trợ cấp xã hội | 26,820,000 | | 26,820,000 | 26,820,000 | | 26,820,000 | 100 | | 100 |
| 11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng | 44,730,000 | | 44,730,000 | 44,730,000 | | 44,730,000 | 100 | | 100 |
| 11.5. Khác | | | | | | | | | |
| Chi khác | | | | | | | | | |
| 12. Chi khác | | | | | | | | | |
| Chi khác | | | | | | | | | |
| 13. Dự phòng | | | | | | | | | |
| 14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau | 1,082,694,973 | | 1,082,694,973 | 1,082,694,973 | | 1,082,694,973 | 100 | | 100 |
| Nộp trả ngân sách cấp trên | | | | | | | | | |

Người lập biểu

Nguyễn Thái Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Huy

Ngày 24 tháng 6 năm 2022

Chủ tịch

Nguyễn Khánh Hòa

Số: 17/BC-UBND

Sơn Hồng, ngày 24 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Nguồn vốn tiền thưởng xã, thôn đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới

1. Nguồn vốn tiền thưởng thôn đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới: 500.000.000 đồng

Trong đó:

+ Hỗ trợ khu dân cư kiểu mẫu thôn 8: 61.500.000 đồng

+ Hỗ trợ khu dân cư kiểu mẫu thôn 3, thôn 9: 438.500.000 đồng

2. Nguồn vốn tiền thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới: 1.000.000.000 đồng

- Chi trả chính sách thực hiện theo Nghị quyết 01/2020 HĐND xã Sơn Hồng và Quyết định 09/2020 của UBND xã Sơn Hồng: 1.324.683.000 đồng

Trong đó: nguồn tiền thưởng 1 tỷ đồng và ngân sách xã đối ứng 324.683.000 đồng vì trong năm 2021 không có nguồn nông thôn mới

- **Chi trả chính sách trong năm 2021: 480.000.000 đồng**

+ Thanh toán kinh phí trích đo bản đồ địa chính quy hoạch NTM: 64.000.000 đồng

+ Thanh toán kinh phí đo đạc quy hoạch nghĩa trang tại thôn 2, Thôn 4: 120.000.000 đồng

+ Hỗ trợ 12 vườn mẫu: 24.000.000 đồng

+ Hỗ trợ ban phát triển thôn : 28.000.000 đồng (thôn 3, 9 mỗi thôn 5 triệu, 9 thôn còn lại mỗi thôn 2 triệu)

+ Xây dựng mương thoát nước và sửa chữa khuôn viên tại UBND xã: 244.000.000 đồng

- Chi trả trong năm 2020 thực hiện theo Nghị quyết 01/2020 HĐND xã Sơn Hồng và Quyết định 09/2020 của UBND xã Sơn Hồng (Ngân sách trích từ nguồn tiền thưởng) đã báo cáo cụ thể trước HĐND xã với số tiền: 844.683.000 đồng

+ Chi hỗ trợ cho người dân xây dựng NTM (đợt 1) trên địa bàn: 277.045.000 đồng

+ Hỗ trợ cửa xăng giải tỏa vườn tạp 11 thôn: 27.500.000 đồng

+ Chi hỗ trợ máy mức giải tỏa 11 thôn và đường trục xã: 540.138.000 đồng

Ghi chú: Trong năm 2020 UBND xã Sơn Hồng đã trích ngân sách từ nguồn trả nợ hỗ trợ các công trình xây dựng NTM để kịp thời hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01 HĐND xã Sơn Hồng và Quyết định 09 của UBND xã Sơn Hồng. nên kinh phí tiền thưởng xã về đích NTM năm 2020 cấp về UBND xã Sơn Hồng bố trí phân kinh phí đã hỗ trợ trong năm 2020 để trả nợ các hạng mục công trình xây dựng NTM trong năm 2020 còn nợ: như công trình đường giao thông nông thôn tại thôn 5: 283 triệu đồng, đường trục chính thôn 8: 138,871 triệu đồng phần kinh phí còn lại hỗ tiếp tục thực hiện hỗ trợ trong năm 2021 như báo cáo trên

Nơi nhận:

- TTHĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu VP UB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Khánh Hòa